

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác - chế biến đá xây dựng mỏ đá Cô Lô 2 tại xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận của Công ty Cổ phần Xây dựng và Khai thác đá Cô Lô

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành, liên tịch ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo Công văn số 1557/STNMT-MT ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác - chế biến đá xây dựng mỏ đá Cô Lô 2 tại xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây

dựng công trình khai thác - chế biến đá xây dựng mỏ đá Cô Lô 2 (đã được chỉnh sửa, bổ sung) kèm theo Văn bản số 24/CT-CL ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Khai thác đá Cô Lô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2468/TTr-STNMT ngày 04 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác - chế biến đá xây dựng mỏ đá Cô Lô 2 (sau đây gọi tắt là Dự án) của Công ty Cổ phần Xây dựng và Khai thác đá Cô Lô thực hiện tại xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty Cổ phần Xây dựng và Khai thác đá Cô Lô có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án đầu tư khai thác, chế biến đá xây dựng mỏ đá Cô Lô 2 tại xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận của Công ty Cổ phần Xây dựng và Khai thác đá Cô Lô.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc; Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Khai thác đá Cô Lô và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Lê Huyền;
- UBND xã Công Hải;
- Quỹ BVMT Ninh Thuận;
- Chủ dự án (3b);
- VPUB: CVP, KTTH;
- Lưu: Văn thư. TT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN Khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ đá Cô Lô 2, tại Xã Công Hải, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Ninh Thuận của CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC ĐÁ CÔ LÔ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung về dự án:

- Tên Dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác - chế biến đá xây dựng mỏ đá Cô Lô 2.

- Chủ Dự án: Công ty Cổ phần Xây dựng và Khai thác đá Cô Lô.

- Địa điểm thực hiện: Xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

1.2. Quy mô, công suất của Dự án:

- Diện tích Dự án: 15,5 ha. Trong đó, khu vực khai thác 11,2 ha và khu vực chế biến 4,3 ha (kể cả bãi thải 1,38 ha).

- Công suất khai thác đá 300.000 m³ nguyên khối/năm (tương đương 442.000 m³ nguyên khai/năm) và công suất chế biến đá 500 tấn/giờ.

1.3. Công nghệ khai thác và chế biến đá của Dự án:

- Công nghệ khai thác: Sử dụng công nghệ khoan nổ mìn và búa đập thủy lực để khai thác, kết hợp vận tải bằng ô tô.

- Công nghệ chế biến: Sử dụng tổ hợp máy nghiền, sàng đá thành các loại sản phẩm có kích cỡ khác nhau theo nhu cầu thị trường.

1.4. Các hạng mục, công trình của Dự án: Khai trường, khu vực chế biến, bãi thải và các hạng mục công trình phụ trợ.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn thông thường và nguy hại phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn, búa đập thủy lực, nghiền, sàng, xúc bốc, vận chuyển đá; nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn qua khu vực Dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải, nước mưa:

- Nước thải sinh hoạt công nhân: Phát sinh khoảng 2,21 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là TSS, BOD₅, amoni, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác và khu vực chế biến có hàm lượng chất rắn lơ lửng cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung:

Bụi, khí thải (CO, SO₂, NO₂,...), tiếng ồn, độ rung: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động khoan, nổ mìn; quá trình nghiền, sàng; quá trình xúc bốc, vận chuyển đá đi tiêu thụ.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn:

a. Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân: Lượng thải khoảng 24,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là hộp đựng thức ăn, bao bì và thức ăn dư thừa.

- Đất phủ bề mặt: Khoảng 332.044 m³.

b. Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1.708 kg/năm. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, dầu nhớt thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Xây dựng bể tự hoại 3 ngăn (dung tích 40 m³) để thu gom và xử lý.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Tại khu vực moong khai thác: Đắp đê bao xung quanh khu vực moong khai thác với chiều dài 1.450 m để ngăn nước mưa chảy vào moong khai thác và tại moong khai thác bố trí 01 hố thu nước kích thước: dài 45 m, rộng 15 m, sâu 6 m để trữ nước mưa rơi trong moong khai thác phục vụ tưới tạo ẩm trong quá trình khai thác, chế biến đá.

+ Tại khu vực chế biến: Bố trí rãnh thu gom nước mưa xung quanh khu vực chế biến với kích thước: rộng 0,5 m, sâu 0,5 m, dài 1.208 m để dẫn nước mưa về ao chứa dung tích 1.500 m³ lưu chứa, phục vụ phun nước dập bụi cho hoạt động chế biến đá.

3.2. Về giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn; chấn động rung, đá văng, sóng không khí khi nổ mìn:

- Giảm thiểu bụi trong quá trình chế biến đá:

+ Lắp đặt 02 hệ thống phun nước dập bụi tại 02 tổ hợp máy nghiền sàng đá. Đồng thời, bố trí 01 hồ chứa nước dung tích 50 m³ để chứa nước sử dụng cho quá trình dập bụi tại 02 tổ hợp máy nghiền sàng đá; lắp đặt 02 đồng hồ đo lưu lượng để kiểm soát lượng nước sử dụng phun dập bụi tại 02 trạm nghiền sàng.

+ Trồng 100 cây neem dọc theo ranh giới khu vực đặt 02 trạm nghiền sàng (chiều dài 300 m) để ngăn bụi phát tán ra bên ngoài.

- Giảm thiểu bụi do quá trình vận chuyển: Tưới nước tại các đoạn đường vận chuyển từ khu vực mỏ ra đến Quốc lộ 1A với tần suất 02 lần/ngày, định

mức 1,2 lít/m²; dùng bạt che phủ kín thùng xe vận chuyển nguyên vật liệu; chở đúng trọng tải quy định; bố trí thời gian vận chuyển hợp lý; hạn chế, đảm bảo đúng tốc độ quy định khi đi qua các khu dân cư.

- Đối với hoạt động phá đá quá cỡ, khoan lỗ mìn, nổ mìn: Phun nước lên bề mặt đá trước khi phá đá quá cỡ; sử dụng máy khoan có hệ thống túi lọc bụi; sử dụng phương pháp nổ mìn vi sai phi điện; thông báo rộng rãi và cụ thể lịch nổ mìn cho người dân, chính quyền địa phương biết; thực hiện các quy định về an toàn trong quá trình khoan, nổ mìn; bố trí vị trí bãi nổ thích hợp; lắp biển cảnh báo khu vực nổ mìn; thực hiện đúng phương pháp nổ mìn và diện tích, thời gian được phép nổ mìn; tuyệt đối không được ảnh hưởng đến đường sắt Bắc Nam và khu vực xung quanh.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

a. Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng rác dung tích 50 lít/thùng để thu gom chất thải rắn sinh hoạt và định kỳ chuyển giao rác thải cho đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đất phủ bề mặt: Được thu gom vào bãi thải để chuyển giao cho các đơn vị có nhu cầu làm vật liệu san lấp và phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khi kết thúc khai thác.

b. Chất thải nguy hại:

Xây dựng kho lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời với diện tích 20 m² để chứa chất thải nguy hại phát sinh tại Dự án trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

3.4. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường :

a) *Phương án cải tạo, phục hồi môi trường như sau:*

- Đối với khu vực khai trường: San gạt đáy moong bằng lớp đất phủ với chiều dày 01 m và trồng cây neem trên toàn bộ diện tích đáy moong với mật độ 1.100 cây/ha; củng cố bờ moong đảm bảo an toàn kỹ thuật; đắp đê bao bằng đất tầng phủ (hạng mục này được thực hiện trong quá trình khai thác); lắp đặt các biển báo nguy hiểm xung quanh khu vực moong.

- Đối với khu vực chế biến (bao gồm bãi thải): Tháo dỡ các công trình phụ trợ và vận chuyển thiết bị, máy móc ra khỏi khu vực Dự án; san gạt lớp đất phủ với chiều dày 0,4 m và trồng cây neem trên toàn bộ diện tích khu vực chế biến với mật độ 1.100 cây/ha.

- Đường vận chuyển: Cày xới, san gạt đối với đoạn đường vận chuyển nối từ khu vực khai thác đến khu chế biến dài 140 m để trả lại như hiện trạng ban đầu.

Bảng tổng hợp các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng
1	<i>Khu vực khai trường</i>		
1.1	Làm biển báo	biển	08
1.2	Bổ sung lớp đất phủ để trồng cây	m ³	67.120
1.3	Trồng cây trên toàn bộ diện tích đáy moong khai thác	cây	7.383
2	<i>Khu vực chế biến</i>		
2.1	Tháo dỡ các công trình dân dụng		
	Phá dỡ bằng thủ công tường gạch	m ³	73,9
	Phá dỡ bằng thủ công nền bê tông gạch vỡ	m ³	381
	Tháo dỡ mái tôn cao	m ²	340
	Tháo dỡ kết cấu sắt thép xà gỗ	tấn	0,4
	Tháo dỡ cửa	m ²	38
	Tháo dỡ thiết bị vệ sinh chậu rửa	cái	2
	Tháo dỡ thiết bị vệ sinh bệ xí	cái	2
	Tháo dỡ thiết bị vệ sinh chậu tiểu	cái	2
2.2	Phá bỏ khu cấp liệu		
	Tháo dỡ tổ hợp máy nghiền sàng	tấn	46
	Phá dỡ trạm biến áp	tấn	1,5
	Tháo dỡ trạm cân	tấn	5,3
	Tháo dỡ hệ thống cung cấp điện	m	200
2.3	Công tác vận chuyển thiết bị sau tháo dỡ ra khỏi Dự án		
	Vận chuyển kết cấu sắt thép	tấn	53,2
	Vận chuyển vật liệu gạch, bê tông vỡ	m ³	11,2
2.4	San lấp ao lắng	m ³	2.000
2.5	Bổ sung lớp đất phủ để trồng cây	m ³	16.800
2.6	Trồng cây xanh	cây	4.730
3	<i>Tuyến đường vận chuyển</i>		
	Cày xới, san gạt đường vận chuyển	m ³	980

b. Kinh phí thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: **3.459.645.000** đồng (Ba tỷ, bốn trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)

- Số lần ký quỹ: 17 lần. Trong đó:

+ Ký quỹ lần đầu: **691.929.000** đồng. Thời điểm ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

+ Ký quỹ các lần tiếp theo: **172.982.250** đồng. Thời điểm ký quỹ từ lần thứ 2 trở đi trước ngày 31/01 của năm ký quỹ.

(Số tiền nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá về số tiền ký quỹ trong các

năm tiếp theo).

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Ninh Thuận.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- 01 kho chứa lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 20 m².
- 01 bể tự hoại dung tích 40 m³.
- 02 hệ thống phun nước dập bụi tại 02 tổ hợp máy nghiền sàng đá.
- 01 xe bồn tưới nước đường vận chuyển.
- 01 bãi thải diện tích 1,38 ha.
- 01 hồ thu nước dung tích 4.050 m³ trong moong khai thác và 01 ao chứa nước dung tích 1.500 m³ tại khu chế biến.
- 01 đê bao bằng đất dài 1.450 m xung quanh khu vực khai thác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

a) Giám sát môi trường không khí trong giai đoạn xây dựng:

- Vị trí giám sát: Tại ranh giới khu vực chế biến đầu và cuối hướng gió (theo các mùa gió chủ đạo trong năm).
- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO₂, NO₂ và tiếng ồn.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b) Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải: Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Giám sát môi trường không khí trong giai đoạn vận hành

- Vị trí giám sát: Tại ranh giới khu vực chế biến đầu và cuối hướng gió (theo các mùa gió chủ đạo trong năm).
- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO₂, NO₂ và tiếng ồn.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Tổ chức vận hành thử nghiệm và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường trước khi đưa Dự án vào vận hành đúng theo quy định Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính

phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

- Tổ chức khai thác đúng tọa độ, diện tích, độ sâu, công suất, trữ lượng và các thông số hệ thống khai thác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành về chống ô nhiễm môi trường trong quá trình khai thác, chế biến và tuân thủ nghiêm các quy định tại QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên; QCVN 01:2019/BCT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ; Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về Quy chế quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận nhằm bảo đảm an toàn đối với cộng đồng dân cư, máy móc, thiết bị, các công trình xung quanh khu vực mỏ trong quá trình khai thác, chế biến.

- Hoạt động khai thác, chế biến và vận chuyển đá trong giai đoạn hoạt động và phục hồi môi trường phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung được quy định tại các Quy chuẩn: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Tổ chức thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý toàn bộ chất thải thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Thực hiện giải pháp phòng ngừa các hiện tượng sạt lở đất, đá tại các khu vực sườn tầng, bờ moong khai thác và khu vực bãi thải; tổ chức theo dõi, giám sát thường xuyên khu vực khai thác, bãi thải. Khi phát hiện có dấu hiệu, hiện tượng sạt lở bờ moong, bãi thải phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt thiết kế mỏ và thiết kế các hạng mục công trình của Dự án; tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, đá văng trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận chuyển nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm và các hoạt động có nguy cơ rủi ro cao khác.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Thực hiện đúng và đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; báo cáo kết quả giám sát chất lượng môi trường định kỳ cho Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có thẩm quyền và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

- Tổ chức cải tạo, phục hồi môi trường sau kết thúc khai thác của Dự án và hoạt động này không được làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động dân sinh, sản xuất nông nghiệp của Nhân dân và các công trình xây dựng xung quanh./.